

Số: /UBND-KTN

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở khu vực có rừng và người làm nghề rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển nguồn cung nguyên liệu cho chế biến gỗ qua việc thực hiện thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng; góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và giá trị gia tăng của ngành chế biến gỗ, đáp ứng 100% nhu cầu thị trường trong tỉnh vào năm 2030 và hướng đến xuất khẩu, đến năm 2050 có 100% các sản phẩm gỗ đều được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp.

- Giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được chế biến tăng gấp 1,5 lần vào năm 2030 so với năm 2020; phần đầu tăng gấp khoảng 2 lần và hướng đến xuất khẩu vào năm 2050.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ rừng, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch

vụ; đến năm 2030 giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được gia tăng khoảng 20% ngoài giá trị gỗ rừng trồng.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn dịch vụ môi trường rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; tiếp cận, triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng, tiến tới tham gia thị trường lưu giữ các bon trong nước và quốc tế; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; phân đấu nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định, bình quân khoảng 5%/năm.

- Phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho 7/7 Ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng khác có nhu cầu kinh doanh du lịch sinh thái. Phát triển các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác các giá trị về tài nguyên thiên nhiên, truyền thống văn hóa; mở rộng các loại hình du lịch, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với các sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử của địa phương.

- Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng đặc dụng; bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; duy trì, bảo vệ, ổn định diện tích 41.275 ha đất rừng đặc dụng; thành lập Khu rừng đặc dụng huyện Mường Tè.

- Thu hút, lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên vào năm 2030 và trên 70% vào năm 2050. Phân đấu nâng mức thu nhập bình quân của lao động là người dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đến năm 2030 tăng 1 lần và đến năm 2050 tăng gấp khoảng 2 lần so với năm 2025.

II. NHIỆM VỤ

1. Phát triển nguồn nguyên liệu

- Hình thành một số vùng trồng rừng tập trung, thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chất lượng rừng trồng; gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với chế biến với một số sản phẩm thế mạnh như Quế, Mắc ca... và các loài cây dược liệu có giá trị cao.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, công ty, doanh nghiệp thực hiện trồng rừng sản xuất, các chủ rừng xây dựng phương án quản lý rừng hướng đến mục tiêu cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng vùng sinh thái. Tham mưu ban hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Sâm Lai Châu giai đoạn 2024-2030, định hướng đến năm 2035 và tổ chức triển khai Nghị quyết có hiệu quả.

- Hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài, ưu tiên một số loài cây có giá trị kinh tế cao như: Sâm Lai Châu, Thất diệp nhất chi hoa, Đương quy, Đỗ trọng, Thảo quả,...; khảo sát, nghiên cứu hình thành một số vùng trồng tre, luồng có điều kiện thích hợp. Cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến sản phẩm gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung; đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Phát triển các mô hình nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp

- Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm kết hợp như: Nuôi trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; mô hình vườn rừng, trại rừng; phát triển cây đa mục đích, chăn nuôi dưới tán rừng.

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện của từng địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác hiệu quả và quản lý chất lượng cây trồng, vật nuôi dưới tán rừng, không gây mất rừng và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng.

- Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả; bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, quan tâm, tiếp cận dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.

- Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương; từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người trực tiếp tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với công tác quản lý rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng và phát triển kinh tế - xã hội. Các Ban quản lý rừng phòng hộ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp theo phương án quản lý rừng bền vững đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tuyên truyền, tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng, khuyến khích cộng đồng, hộ gia đình tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng đối với cộng đồng địa phương.

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn du lịch cộng đồng; thu hút các nguồn lực tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng; hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao sinh kế thông qua việc sử dụng lao động địa phương.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh; rà soát, đánh giá những khó khăn, vướng mắc, bất cập của các quy định, chính sách hiện hành liên quan về lâm nghiệp, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp; tăng cường thu hút các nguồn lực vốn từ các thành phần kinh tế.

2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; khai thác, sử dụng rừng hiệu quả gắn với bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; quá trình xây dựng phương án quản lý và tổ

chức các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng đều có sự tham gia của cơ quan, chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Hoàn thành công tác giao rừng cho các Ban quản lý rừng phòng hộ; rà soát hiện trạng, đối tượng rừng để điều chỉnh phân loại rừng phù hợp với đặc điểm, hiện trạng của từng loại rừng; lập hồ sơ quản lý rừng theo chức năng, mục đích sử dụng.

- Phát triển vùng nguyên liệu cho chế biến lâm sản và phát triển rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có năng suất và chất lượng cao, cùng sự tham gia của các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế, chú trọng phát triển lâm nghiệp đa mục đích (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, dịch vụ); nông, lâm, ngư kết hợp.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất như: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp với chủ rừng trong việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu.

3. Về khoa học và công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng, sử dụng các giống cây trồng rừng có năng suất, chất lượng cao; áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao; thực hiện cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc.

- Xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết, mô hình nông nghiệp tuần hoàn. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư thiết bị hiện đại, đổi mới dây chuyền công nghệ, gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị hàng hoá.

- Chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng cho người làm nghề rừng, tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản.

4. Về tổ chức sản xuất

- Tăng cường liên kết sản xuất trong lâm nghiệp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng và nhà khoa học; xây dựng các mô hình trồng rừng, mô hình phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; phát triển các mô hình lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị; các mô hình

du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện giao rừng cho các Ban quản lý rừng phòng hộ; thực hiện tốt công tác khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình.

- Tăng cường quảng bá các sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm từ dược liệu; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, trải nghiệm gắn với hệ sinh thái rừng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế rừng bền vững.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết vùng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái; chuyển đổi sản xuất lâm nghiệp từ quảng canh sang thâm canh để tăng năng suất chất lượng, giá trị sản phẩm; quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, trọng tâm là đầu tư phát triển hệ thống đường lâm nghiệp.

5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, chủ rừng, cộng đồng dân cư có các hoạt động liên quan tới lâm nghiệp sử dụng giống có năng suất, chất lượng; áp dụng các quy trình kỹ thuật thâm canh, quy chuẩn, tiêu chuẩn; có chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản, chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng; tăng cường năng lực cho chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

6. Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống cây trồng, quy trình và công nghệ sản xuất, chế biến, liên kết sản xuất; mở rộng phạm vi dịch vụ môi trường rừng, tiếp cận thị trường các bon rừng quốc tế.

- Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, thu hút nguồn lực phát triển lâm nghiệp; xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án do các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Phát huy tối đa các nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; nguồn ngân

sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Huy động các nguồn xã hội hóa; nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư; nguồn vốn tự có.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; tham mưu lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

- Chủ trì rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi và tổ chức triển khai có hiệu quả.

- Hướng dẫn, đôn đốc, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình Ủy ban nhân dân quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, điều chỉnh bổ sung nhiệm vụ ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, cân đối vốn đầu tư phát triển để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí từ nguồn vốn ngân sách địa phương và lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn tỉnh để thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo, hướng dẫn việc đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các chủ rừng; rà soát, lập hồ sơ ranh giới cho Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích; kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất rừng của các tổ chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất đảm bảo đúng quy định.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai các chương trình, kế hoạch về khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thông tin thị trường, ứng dụng thương mại điện tử, quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kỹ thuật về nuôi trồng, phát triển các loài dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao trong môi trường rừng theo tiêu chuẩn GACP - WHO.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng cho du khách trong nước và quốc tế; phối hợp, hỗ trợ các địa phương xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền của người dân địa phương.

8. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, đề án, dự án có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với các cơ quan, đơn vị liên quan và các tầng lớp Nhân dân về vai trò của việc phát triển, quản lý, sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia thực hiện.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Lồng ghép thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đang thực hiện trên địa bàn; bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hằng năm; báo cáo kết quả gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, Kt1;
- Lưu: VT, Kt9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải